

KT3-06753BTP3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

07/12/2023
Page 01/03

1. Tên mẫu : NƯỚC CHẤM VEDAN
Name of sample
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Sample description
Mẫu đựng trong chai nhựa.
As received sample is contained in plastic bottle.
3. Số lượng mẫu : 01
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 17/11/2023
Date of receiving
5. Thời gian thử nghiệm : 17/11/2023 - 24/11/2023
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY CPHH VEDAN VIỆT NAM
VEDAN VIETNAM ENTERPRISE CORP., LTD
National road 51, Hamlet 1A, Phuoc Thai village, Long Thành -
Long Thanh District, Đồng Nai/ Dong Nai Province, Vietnam
Customer
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang / See page 02 - 03/03
Test results

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB.



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và tg.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and tg.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

KT3-06753BTP3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

07/12/2023
Page 02/03

7. Kết quả thử nghiệm / Test results :

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Phạm vi đo Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Cảm quan ^(*) / Sensory test	QTTN/KT3 234 : 2019		-	Nâu vàng Yellowish brown Trong, không vẩn đục Clear, no turbid Đặc trưng của sản phẩm Characteristic of product Đặc trưng của sản phẩm, không có vị lạ Characteristic of product, no strange taste Không phát hiện Not detected
• Màu sắc / Color				
• Độ trong / Clear				
• Mùi / Odor				
• Vị / Taste				
• Tạp chất nhìn thấy bằng mắt thường / Impurities				
7.2. Hàm lượng nitơ tổng, g/L Total nitrogen content	TCVN 3705 : 1990		-	1,43
7.3. Hàm lượng nitơ axit amin / nitơ toàn phần, % Amino acid nitrogen content / total nitrogen content	QTTN/KT3 216 : 2018 (Ref: TCVN 5107 : 2018) & TCVN 3705 : 1990		-	81,8
7.4. Hàm lượng nitơ amoniac / nitơ toàn phần, % Ammonical nitrogen content / total nitrogen content	TCVN 3706 : 1990 & TCVN 3705 : 1990		-	3,50
7.5. Hàm lượng muối (NaCl), g/L Sodium chloride content	TCVN 3701 : 2009		-	179
7.6. Năng lượng ^(*) / Calories • kcal/100 mL	QTTN/KT3 024:2018		-	7
7.7. Hàm lượng béo, g/100 mL Fat content	QTTN/KT3 139 : 2016 (Có thủy phân)		0,1	Không phát hiện Not detected

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@qltest3.com.vn và tg.tn@qltest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@qltest3.com.vn and tg.tn@qltest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-06753BTP3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

07/12/2023
Page 03/03

7. Kết quả thử nghiệm / Test results:

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Phạm vi đo Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.8. Hàm lượng carbohydrate, g/100 mL Carbohydrate content	QTTN/KT3 317:2022		-	0,80
7.9. Hàm lượng protein, g/100 mL Protein content	TCVN 3705 : 1990		-	0,89
7.10. Hàm lượng arsen tổng số, mg/L Total arsenic content	TCVN 8427 : 2010	$1,00 \times 10^{-2}$		Nhỏ hơn $3,00 \times 10^{-2(3)}$ Less than
7.11. Hàm lượng chì, mg/L Lead content	QTTN/KT3 083:2012 (Ref: AOAC 973.35)	$3,00 \times 10^{-2}$		Không phát hiện Not detected
7.12. Hàm lượng cadimi, mg/L Cadmium content	QTTN/KT3 083:2012 (Ref: AOAC 973.35)	$3,00 \times 10^{-2}$		Không phát hiện Not detected
7.13. Hàm lượng thủy ngân, mg/L Mercury content	QTTN/KT3 064:2016 (Ref: AOAC 971.21)	$1,50 \times 10^{-2}$		Không phát hiện Not detected
7.14. Tổng số vi sinh vật hiếu khí, CFU/mL Total aerobic plate count	ISO 4833-1:2013, AMD 1:2022	-		$3,2 \times 10^2$
7.15. Coliform, CFU/mL	ISO 4832 : 2006	-		Nhỏ hơn $1^{(1)}$ Less than
7.16. E.Coli /mL	ISO 16649 - 3 : 2015	-		Không phát hiện Not detected
7.17. Staphylococcus aureus, CFU/mL	AOAC 2023 (975.55)	-		Nhỏ hơn $1^{(1)}$ Less than
7.18. Clostridium perfringens, CFU/mL	ISO 7937 : 2004	-		Nhỏ hơn $1^{(1)}$ Less than
7.19. Salmonella spp/ 25 mL	ISO 6579-1:2017/ Amd.1:2020	-		Không phát hiện Not detected
7.20. Vibrio parahaemolyticus, MPN/mL	FDA bacteriological analytical manual/2004 - Chapter 9	-		Nhỏ hơn $0,03^{(2)}$ Less than

Ghi chú/ Note: Hàm lượng protein/ Protein = 6,25 x Hàm lượng nitơ tổng/ Nitrogen

- (1): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 1 CFU/mL khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa./ According to the test method, the result is expressed as less than 1 CFU/mL when the dish contains no colony.
- (2): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 0,03 MPN/mL khi không có ống dương tính trong ba dãy ống pha loãng liên tiếp./ According to the test method, the result is expressed as less than 0,03 MPN/mL when there is no positive tube in the three consecutive dilutions.
- (3): là giá trị LOQ (giới hạn định lượng) của phương pháp thử.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample(s) submitted only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated in the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và tg.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and tg.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viلاس 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viلاس 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.